TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2018.
"*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Văn Bún;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án.

Ngày 10/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Cẩm L, sinh năm: 1995 (*Có mặt*).
Trú tại: ấp 2, xã Th, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
2. *Bị đơn*: Ông Dương Tấn T, sinh năm: 1995 (*Có mặt*).
Trú tại: ấp C, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, bà Phạm Thị Cẩm L trình bày: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông T có tổ chức lễ cưới vào ngày 19/9/2013 (AL), chính thức về sống chung với nhau, hôn nhân giữa bà và ông Tài không có đăng ký kết hôn và đến thời điểm hiện tại hai bên vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung tại ấp C, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An. Bà và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì ông T phải đi chấp hành án. Thời gian sống xa nhau làm tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến khoảng tháng 5 năm 2015 thì bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm giữa bà và ông Dương Tấn T không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Tấn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T có một con chung tên Phạm Ánh D, sinh ngày 08/02/2014 hiện đang sống chung với bà. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn Dương Tấn T trình bày: Ông thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung, về nợ chung, thời gian bỏ nhau. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn ông trình bày bổ sung thêm: Ông và bà L tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 2013 mà không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông và bà L sống chung đến tháng 3 năm 2014 thì ông phải đi chấp hành án ở Bến Tre đến ngày 31/8/2015 ông mới chấp hành án xong. Khi ông về lại thì bà L đã về lại nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay trước yêu cầu của bà L, ông đồng ý ly hôn với bà Loan.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà L có một con chung tên Phạm Ánh D, sinh ngày 08/02/2014 hiện đang sống chung với bà L. Nếu ly hôn ông giao cháu D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà L không có tài sản chung, nợ chung.

Do hôn nhân giữa bà L và ông T không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 09/4/2018, bà L có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Dương Tấn T. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Do ông T cư trú tại huyện Vĩnh Hưng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm L yêu cầu được ly hôn với ông Dương Tấn T vì nhận thấy tình cảm giữa hai bên không còn. Bị đơn ông Dương Tấn T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm L.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông T được xác lập năm 2013 không có đăng ký kết hôn, hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Như vậy, Hội đồng xét xử xét có căn cứ không công nhận bà Phạm Thị Cẩm L và ông Dương Tấn T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung, bà L và ông T có với nhau 01 đứa con chung tên Phạm Ánh D, sinh ngày 08/02/2014, hiện đang theo sống với bà L. Nếu ly hôn, bà L và ông T thống nhất thỏa thuận để bà L tiếp tục giữ nuôi cháu D, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xét công nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm L và bị đơn ông Dương Tấn T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[5] Án phí: Bà Phạm Thị Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 14, 15, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Cẩm L và ông Dương Tấn T là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị Cẩm L được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Phạm Ánh D, sinh ngày 08/02/2014. Ông Dương Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004761 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, bà L đã nộp đủ án phí.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm.
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà.

(Đã ký)

Trần Trọng Nhân

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh.
-VKSND Huyện.
-CCTHA DS Huyện.
-Các đương sự.
- Lưu.